TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20 /2019/DS-PT Ngày 17 -5-2019 V/v Đòi quyền sử dụng đất và tranh chấp HĐ chuyển đổi QSDĐ.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Đòi quyền sử dụng đất và tranh chấp HĐ chuyển đổi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16A/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn CBT, xã NC, huyện K X, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1950; nơi ĐKHKTT: thôn CBĐ, xã NC, huyện K X, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay: tổ 1, khu phố 5, phường Th, thị xã T U, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn Cao Bạt E, xã NC, huyện K X, tỉnh Thái Bình (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018; có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Quang Hưng và Luật sư Phạm Trung Kiên - Văn phong Luật sư Hưng Long - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 01, ngõ 130, An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Lương Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn CBT, xã NC, huyện K X, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

+ Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1963; Nơi ĐKHKTT: thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay: tổ 1, khu phố 5, phường Th, thị xã T U, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Th: Anh Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn Cao Bạt E, xã NC, huyện K X, tỉnh Thái Bình (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018; có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn và anh Nguyễn Thành Ph là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau*

Bố mẹ ông T là cụ Nguyễn Hữu Vọng (chết năm 2015) và cụ Nguyễn Xuân Thị Vần (chết năm 1999) có 05 người con là bà Nguyễn Thị Xoay, bà Nguyễn Thị The, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Thành. Cụ Vọng và cụ Vần có 02 thửa đất là thửa số 881 có diện tích 236 m^2 và thửa số 884 có diện tích 310 m^2 (theo bản đồ 299 đo đạc năm 1982) ở xóm 6 cũ nay là thôn CBT, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Năm 1975, bố mẹ ông Toàn đã cho riêng ông T 01 mảnh đất diện tích 260 m^2 ở giáp nhà ông Ngân, cho bà Xoay một phần đất có nhà mái bằng, cho ông Thành một phần đất có nhà ngói, còn lại một phần đất để làm miếu thờ của gia đình. Năm 1980, ông T đã làm nhà ở và các công trình trên đất bố mẹ cho và ông T, bà Xoay, ông Thành phải nộp thuế trên diện tích đất mỗi người sử dụng. Năm 1993, địa Ph đo đạc hiện trạng sử dụng đất lập bản đồ địa chính, ông T, bà Xoay và ông Thành đều đã kê khai, được cấp phiếu đo đạc và ghi tên trên bản đồ địa chính năm 1993, cụ thể: ông Thành sử dụng thửa 1894 diện tích 151m^2, bà Xoay sử dụng thửa 1895 diện tích 81m^2, miếu thờ có số thửa 3779 diện tích 62 m^2, ông T sử dụng thửa 1836 diện tích 260 m^2. Thời điểm này cụ Vọng chỉ là chủ hộ gia đình theo sổ hộ khẩu, không có tên trong bản đồ 04, không phải nộp thuế sử dụng đất ở và phiếu do hiện trạng đất không thể hiện tên cụ Vọng.

Ông bà ngoại của ông T là Nguyễn Xuân Vận và Đắc Thị Ruyên có thửa đất diện tích 416 m^2 tại xóm 7 cũ nay là thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ông bà ngoại ông Toàn có 06 người con là cụ Vần (mẹ ông T), cụ Sính, cụ Viễn, cụ Màu bé, cụ Màu lớn và cụ Nhỡ. Khoảng năm 1980 khi ông bà ngoại ông Toàn còn sống, cụ Vọng và cụ Vần đã cho 03 người con trai là ông Đ, ông Thành, ông T ra sinh sống làm ăn trên đất của ông bà ngoại. Trong đó ông T và ông

Thành mở quán sửa xe đạp, bán chè, thuốc lá, ông Đ làm nghề gò xô chậu. Năm 1994 cụ Sính và cụ Viễn yêu cầu chia thừa kế mảnh đất mà ba anh em ông T đang sinh sống. Khi đó do ông Đ được hưởng chế độ bệnh binh nên gia đình cụ Vọng đã bàn và thống nhất để ông Đ đứng tên để được miễn không phải nộp thuế đất ở, vì vậy tại bản án phúc thẩm số 22/DS-PT ngày 14/5/1994, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình chia cho ông Đ được sử dụng 293 m^2 đất, cụ Sính và cụ Viễn được sử dụng 123 m^2 đất.

Sau khi Tòa án xét xử, ông Toàn và ông Thành bị mất chỗ làm ăn do phải dỡ quán trả đất mà Tòa án chia cho cụ Viễn và cụ Sính. Ngày 20/3/1996 âm lịch, cụ Vọng cùng ông Đ, ông T, bà Xoay đã họp gia đình thống nhất chia và đổi đất, có lập văn bản do ông T viết, có chữ ký và điểm chỉ của cụ Vọng, chữ ký của ông T, ông Đ, bà Xoay, trong đó có nội dung: Mảnh đất vợ chồng ông T đang ở diện tích 260 m² thuộc thửa 1836 tại xóm 6 chuyển cho ông Đ, vợ chồng ông T được sử dụng 1/4 diện tích đất trong mảnh đất diện tích 293 m^2 ở xóm 7 đứng tên ông Đ; mảnh đất 294 m^2 đứng tên Xoay, Thành và miếu thờ nay chia làm 04 phần cho ông T, bà Xoay, ông Thành và miếu thờ . Ngay sau khi có biên bản phân chia, đổi đất, ông T đã giao lại nhà và đất ở 260 m^2 của mình tại xóm 6, xã NC cho ông Đ sử dụng, đồng thời ông Đ cũng đo và giao cho ông T khoảng 56 m^2 đất (trong diện tích 293 m^2) ở xóm 7, xã NC để ông T xây nhà mái bằng vào năm 1996. Vì nhà cũ cụ Vọng xây cho ông Đ đang ở phạm vào phần giữa đất đổi cho ông T, nên đến năm 2012 ông Đ dỡ nhà cũ xây nhà mới, trả tiếp cho ông T phần đất còn lại khoảng 13 m^2 và sau đó vợ chồng ông T đã làm thêm quán lợp Prôximăng để bán thuốc bắc phía trước nhà mái bằng đã xây từ năm 1996.

Năm 2004, ông Đ đã đề nghị UBND xã NC tiến hành đo đạc để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở văn bản chia đất mà gia đình lập năm 1996. Ngày 27/5/2004, UBND xã tiến hành đo đạc mảnh đất 260 m^2 mang tên ông T, sau đó chia lại đất bà Xoay, ông Thành và miếu thờ, còn lại mảnh 293 m^2 trên xóm 7 thì UBND xã hẹn làm tiếp vào ngày khác. Sau đó mấy ngày, cán bộ địa chính đưa sơ đồ phân chia đất, cụ Vọng kiểm tra lại phát hiện có sự sai lệch và không thể hiện phần đất chia cho bà Xoay nên cụ Vọng đã không ký vào biên bản phân chia quyền sử dụng đất do cán bộ địa chính xã NC lập. Từ tháng 6/2004, ông T và cụ Vọng liên tục yêu cầu ông Đ ký văn bản để ông T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Đức không ký . Sau đó ngày 05/02/2008 ông T, bà Xoay, ông Thành thống nhất trả lại đất cho cụ Vọng để không bị mất đất nên cụ Vọng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 311918 ngày 01/9/2008 với 03 thửa đất 1894, 1895 và 3779, tổng diện tích 294 m^2.

Ông T cho rằng UBND xã NC căn cứ vào đơn đề nghị phân chia đất của cụ Vọng ngày 27/5/2004 với nội dung là cụ Vọng cho ông Đ diện tích đất 260 m^2 đất thuộc thửa 1836 thôn CBT xã NC để làm thủ tục cấp giấy chứng quyền sử dụng đất số BE 706560 ngày 05/5/2011 là không đúng. Vì đơn đề nghị không phải của cụ Vọng, mặt khác cụ Vọng đã cho ông T diện tích đất trên, ông T đã xây nhà, được

đứng tên trên bản đồ 04 đo đạc năm 1993 và nộp thuế đối với diện tích đất cụ Vọng cho. Tuy nhiên ông T không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ và bà Th, vì ông T cũng đồng ý chuyển giao mảnh đất này và cả nhà ở, bếp, công trình phụ của mình cho ông Đ. Từ năm 2012 đến 2017 gia đình ông Toàn đã gửi đơn yêu cầu UBND xã NC, Thanh tra huyện Kiến Xương giải quyết nhiều lần nhưng không giải quyết được.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông T có quyền sử dụng diện tích đất khoảng 69 m^2 đất nằm trong thửa đất hiện đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận số H 904812 ngày 14/01/1997 tên ông Nguyễn Hữu Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm , ông Toàn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất theo đo đạc hiện trạng 79,6 m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Toàn.

** Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đoàn Thị Th là anh Nguyễn Thành Ph trình bày và có yêu cầu phản tố như sau*:

Bản án phúc thẩm số 22 ngày 14/5/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xử giao cho ông Đ được quyền sử dụng diện tích đất 293 m^2 tại thửa 1086 tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào bản án phúc thẩm nêu trên ông Đ được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/1997 đối với diện tích đất 293 m^2 theo bản án phúc thẩm. Ông Đ với ông T là anh em ruột, vì vậy vào năm 1999, ông T xin ông Đ cho ở nhờ trên diện tích đất 69 m^2 để làm quán bán hàng, do tình nghĩa anh em nên ông Đ đã đồng ý cho ở nhờ. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất mà ông Đ cho ở nhờ, ông Đ hoàn T không đồng ý với lý do: Đất là do ông Đức được hưởng thừa kế từ ông bà ngoại, ông Đức sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay, được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình công nhận quyền sử dụng đất theo bản án phúc thẩm số 22 ngày 14/5/1994, bản án hiện nay đang có hiệu lực pháp luật và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/1997.

Ngày 13/7/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn phản tố với nội dung yêu cầu vợ chồng ông T tháo dỡ T bộ công trình xây dựng trên đất mà ông T đang quản lý, sử dụng tại thôn CBĐ, xã NC để trả lại đất cho ông Đ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị M trình* bày:

Bà M kết hôn ông T vào năm 1990, sau khi kết hôn vợ chồng bà M đã cùng nhau chung sống trên mảnh đất 260 m^2 tại xóm 6 cũ (nay là thôn Cao Bạt Trung) xã NC đối diện với nhà bố mẹ chồng bà là cụ Vọng. Bà M khẳng định việc vợ chồng bà xây nhà và sinh sống trên diện tích đất 69 m^2 tại xóm 7 cũ (nay là thôn Cao Bạt Đông) xã NC là do đổi nhà đất cho ông Đ mà có chứ không phải vợ chồng bà M ở nhờ ông Đ. Bà M thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu Tòa án xác định ông T được quyền sử dụng khoảng 69 m^2 đất nằm trong thửa đất hiện

đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Hữu Đ.

* *Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp như sau*:

- Diện tích đất tranh chấp tại thửa 1086 thuộc thôn Cao Bạt Đông , xã NC, huyện Kiến Xương , tỉnh Thái Bình là 79,6 m^2 trị giá 3.600.000 đồng/m^2, có kích thước: với các chiều đo cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường 457 dài 2,8 m; phía Nam giáp đất anh Nam dài 3,55 m; phía Đông giáp đất ông Đ dài 23 m; phía Tây giáp đất ông Viễn, ông Sính dài 23 m.

- Tài sản trên đất tranh chấp: 01 nhà mái bằng tường xây 20 diện tích 37 m² trị giá 23.136.840 đồng và 01 nhà lợp Prôximăng + nhà vệ sinh diện tích 48.5 m² trị giá 9.930.000 đồng.

- Diện tích đất tại thửa 1836 cũ nay là thửa 270 tờ bản đồ số 11 thuộc thôn CBT, xã NC huyên Kiến Xương, tỉnh Thái Bình diện tích 262,8m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 16/11/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương đã xử:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 690 Bộ luật dân sự 1995; Điều 3, 74 Luật đất đai 1993; khoản1 Điều147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản1 Điều12, khoản2 Điều27 Nghị quyết326/2016/UBTVQH ngày30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn giảm giảm,thu, nộp, quản lývà sử dụng án phí,lệ phí Tòa án

Xử chấp nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Đ.

- Xử ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng diện tích 79,6 m^2 (trong tổng số 261m^2 đất mang tên ông Nguyễn Hữu Đ) thuộc thửa số 1086 tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 904812 ngày 14/01/1997 với các chiều đo cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường 457 dài 2,8 m; phía Nam giáp đất anh Nam dài 3,55 m; phía Đông giáp đất ông Đ dài 23 m; phía Tây giáp đất ông Viễn, ông Sính dài 23 m.

Ngôi nhà mái bằng 37 m^2 trên diện tích đất 79,6 m^2 thuộc thửa số 1086 tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Lương Thị M

Ông Nguyễn Hữu T được quyền làm các thủ tục tách diện tích đất trên theo quy định của luật đất đai.

- Xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu Đức về việc yêu cầu vợ chồng ô ng Toàn bà M tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trả lại đất cho ông Đức.

Ngoài ra án còn tuyên về việc thi hành án dân sự, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/11/2018 và ngày 28/11/2018, ông Nguyễn Hữu Đ và anh Nguyễn Thành Ph kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu: Sửa T bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông T; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ buộc ông T tháo dỡ T bộ công trình xây dựng trên đất mà ông Đ cho rằng ông T mượn tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình để trả lại đất cho ông Đức ; Yêu cầu ông T xuất trình bản gốc biên bản phân chia và chuyển đổi đất ngày 20/3/1996 của ông Tòa để đi giám định chữ ký của ông Đ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn Thành Ph, ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đoàn Thị Th có các Đơn yêu cầu xem xét việc ra bản án trái pháp luật, không đúng với thực tế khách quan đề ngày 20/3/2019 và ngày 07/4/2019 cùng có nội dung trình bày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ra bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là trái pháp luật. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét lại T bộ bản án để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Thành Ph thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm . Anh Ph còn trình bày diện tích đất 262,8 m^2 tại thửa 270 thuộc thôn CBT, xã NC là do ông Đ được cụ Vọng cho, chứ không phải của ông T, đã được UBND huyện Kiến Xương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 đứng tên ông Đ và bà Th. Còn diện tích đất 261 m^2 tại thửa đất 1086 thuộc thôn CBĐ, xã NC là do ông Đ được thừa kế từ ông bà ngoại theo bản án số 22 ngày 14/5/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Ông Đ chỉ cho ông T mượn đất để làm quán bán hàng, ông Đ không chuyển đổi đất cho ông T, đến nay diện tích đất 262,8 m^2 tại thửa 270 thuộc thôn CBT và diện tích đất 261 m^2 tại thửa 1086 thuộc thôn CBĐ, xã NC vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ. Anh Ph cho rằng cụ Vọng đã bị ốm liệt giường từ cuối năm 2011 nên các Giấy ghi nhận của cụ Vọng vào thời gian tháng 01/2013 mà ông T cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là không có giá trị. Anh Ph đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa để anh Ph tiếp cận với chứng cứ mới và xin ý kiến ông Đ về các chứng cứ mới do ông T cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì các lý do sau:

+ Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án, cụ thể: UBND xã NC là cơ quan quản lý đất đai, ký xác nhận trong một số văn bản, tiến hành hòa giải việc tranh chấp; UBND huyện Kiến Xương đã

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả hai thửa đất số 270 tờ bản đồ số 11 thôn CBT và thửa đất số 1086 tại thôn CBĐ xã NC; ông Nguyễn Hữu Thành là người được phân chia đất theo bản photo biên bản phân chia và chuyển đổi đất do ông T cung cấp. Vì vậy, cần phải đưa UBND xã NC, UBND huyện Kiến Xương và ông Nguyễn Hữu Thành vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương áp dụng pháp luật không đúng, nếu có việc đổi đất thì thời điểm đổi đất Bộ luật Dân sự năm 1995 chưa có hiệu lực, phải áp dụng pháp luật tại thời điểm thực hiện hợp đồng là Pháp lệnh hợp đồng dân sự.

+ Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương không dựa vào bất cứ chứng cứ pháp lý nào, chỉ dựa vào lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng. Nguồn gốc thửa đất 1086 thuộc thôn CBĐ, xã NC là của ông bà ngoại ông Đ, đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử chia cho ông Đ sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ, thửa đất 270 thuộc thôn CBT cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ và bà Th. Ông T cho rằng thửa đất số 270 là của ông T đổi cho ông Đ, nhưng chỉ cung cấp được bản photo Biên bản phân chia và chuyển đổi đất. Vì vậy, đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì diện tích đất 261 m^2 tại thửa 1086 thuộc thôn CBĐ và diện tích đất 262,8 m^2 tại thửa đất 270 thuộc thôn CBT vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ.

+ Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, trong bản án không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, sau đó có đính chính là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc sửa chữa bản án.

+ Các chứng cứ mới do ông T cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là các Giấy ghi nhận đề tên cụ Vọng không có giá trị chứng minh.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Toàn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và anh Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa ngày 19.4.2019 ông T cung cấp cho Tòa án 03 Giấy ghi nhận mang tên Nguyễn Hữu Vọng đề ngày 09/01/2013, 12/01/2013, 21/01/2013 đều có nội dung cụ Vọng xác nhận lại nội dung chuyển đổi đất đúng như nội dung bản photo "Biên bản chia và chuyển đổi đất" ngày 20/3/1996 âm lịch do ông T cung cấp cho Tòa án, các Giấy ghi nhận đều có điểm chỉ dấu vân tay. Theo ông T trình bày các Giấy ghi nhận nêu trên đều do 02 chị gái ông T là bà Nguyễn Thị Xoay và bà Nguyễn Thị The viết hộ cụ Vọng khi cụ Vọng hoàn T minh mẫn và đã điểm chỉ vào các Giấy ghi nhận này. Ông T yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định với mẫu so sánh là mẫu vân tay trong Giấy chứng minh nhân dân số 151921373 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/06/2012 mang tên Nguyễn Hữu Vọng. Ông T tự nguyện chịu T bộ chi phí giám định.

- Bà Lương Thị M có quan điểm tranh luận nhất trí với quan điểm của ông T, bà M còn cho rằng vợ chồng bà đã đổi đất tại thôn CBT để lấy diện tích đất ở thôn

CBĐ của ông Đ và đã làm nhà ở kiên cố từ năm 1996, chứ không phải từ năm 1999 như ông Đ và anh Ph trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc chuyển đổi giữa ông T, ông Đ và chấp nhận hiện trạng các bên đang sử dụng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng*:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đức làm trong hạn luật định, ông Đức là thương binh đã có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của ông Đức và người đại diện theo ủy quyền của ông Đức là hợp lệ, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo nhưng không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 20/3/2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn mời luật sư Phạm Quang Hưng và luật sư Phạm Trung Kiên là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án chấp nhận việc tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Ông Đức và bà Thuận vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đức và bà Thuận là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Qua xác minh, UBND xã NC cung cấp cho biết: Tại sổ mục kê và bản đồ 299 đo đạc năm 1982 cụ Nguyễn Hữu Vọng đứng tên sử dụng số thửa 881 diện tích 236 m^2 đất thổ và số thửa 884 diện tích 310 m^2 đất thổ thuộc xóm 6, xã NC. Năm 1993 đo đạc hiện trạng sử dụng đất lập bản đồ địa chính thì diện tích đất của cụ Vọng đã được chia cho các con, cụ thể: ông Thành sử dụng thửa 1894 diện tích 151 m^2, bà Xoay sử dụng thửa 1895 diện tích 81 m^2, miếu thờ là số thửa 3779 diện tích 62 m^2, ông T sử dụng thửa

1836 diện tích 260 m^2. Ông Thành và ông T đều đã xây nhà ở riêng, còn bà Xoay ở cùng với cụ Vọng và mỗi người phải nộp thuế sử dụng đất ở, cụ Vọng không phải nộp thuế sử dụng đất ở. UBND xã NC làm thủ tục để UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 904954 ngày 14/01/1997 mang tên Hữu Vọng do cụ Vọng là chủ hộ gia đình, ông T, bà Xoay, ông Thành là thành viên trong hộ gia đình. Sau đó, UBND huyện Kiến Xương đã thu lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 904954 nêu trên, lý do cụ Vọng đã chia lại đất cho ông Đ, ông T, ông Thành theo đơn đề nghị của cụ Nguyễn Hữu Vọng có bút phê của chủ tịch UBND xã NC ngày 28/4/2004. Ngày 27/5/2004 UBND xã NC đã cùng cụ Vọng, ông Đ, ông Thành, ông T tiến hành đo đạc có lập sơ đồ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông Đ. Khi đo đạc thì ông T và ông Đ đã đổi nhà đất cho nhau từ trước, ông Đ đã nhận nhà của vợ chồng ông T ở thôn Cao Bạt Trung và đóng cửa để đấy, còn vợ chồng ông T đã lên ở cùng thửa đất với ông Đ ở thôn Cao Bạt Đông và đã xây dựng nhà ở từ năm 1996. Khi ông T xây dựng nhà ở lúc đó hai anh em ông T và ông Đ còn hòa Th nên không có ý kiến hoặc đơn nào gửi về UBND xã để phản đối việc ông T xây dựng nhà ở. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 22/DSPT ngày 14/5/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình chia cho ông Đ sử dụng diện tích đất 293 m^2 tại thôn CBĐ xã NC, khi UBND huyện Kiến Xương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H904812 ngày 14/01/1997 cho ông Đ chỉ có diện tích 261 m^2 lý do giảm 32 m^2 trừ diện tích hàng lang giao thông đường 222 cũ (nay là đường 457). Đo đạc Vlap 2010, mảnh đất đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Đức là thửa đất 703 tờ bản đồ số 8 có diện tích 317,2 m^2. Tài liệu lưu trữ tại UBND xã NC chỉ có bản photo "Biên bản chia và chuyển đổi đất" đề ngày 20/3/1996 âm lịch giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Đ. Thời điểm năm 2015 cụ Nguyễn Hữu Vọng có tên trong danh sách chủ hộ tham gia bầu cử trưởng thôn nhiệm kỳ 2015 - 2017. Về bản chất vụ việc là trong nội bộ gia đình cụ Vọng đã có sự thỏa Th về việc phân chia chuyển đổi nhà đất giữa các con cụ Vọng, ông T đổi nhà đất bố mẹ cho tại thôn Cao Bạt Trung lấy đất của ông Đ được thừa kế của ông bà ngoại tại thôn Cao Bạt Đông, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên thống nhất ký văn bản chuyển đổi đất cho nhau chứ không tự nhiên nhà đất ông T đã đứng tên trên bản đồ 299 đo đạc 1993 mà ông Đ lại được sử dụng vô điều kiện.

[4] Xét thấy, những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Xoay và bà Nguyễn Thị The đều trình bày: Ông T được bố mẹ là cụ Vọng và cụ Vần cho 01 mảnh đất 260 m^2 tại xóm 6, xã NC. Ông T đã xây dựng 03 gian lợp ngói từ năm 1980, đến năm 1990 ông T lấy bà M, sau đó vợ chồng ông T tiếp tục xây dựng thêm được 03 gian nhà mái bằng và công trình phụ. Đến năm 1996, cả gia đình đã họp bàn thống nhất chia và đổi lại đất, trong đó vợ chồng ông T đổi nhà đất ở xóm 6 cũ để lấy khoảng 69 m^2 đất ở của ông Đ tại xóm 7 cũ xã NC. Ông T và ông Đ đã bàn giao nhà đất cho nhau. Ông T đã nhận đất của ông Đ để làm nhà ở từ năm 1996 đến nay. Ông Đ nhận nhà đất của ông T từ năm 1996 nhưng không ở mà chỉ sử dụng để chứa đồ đạc. Việc ông Đ khai với Tòa án cho ông T ở nhờ là không đúng sự thật vì

nếu không chuyển đổi nhà đất với ông T thì làm sao ông Đ lại có quyền sử dụng nhà đất của ông T.

[5] Xét thấy, diện tích đất 262,8 m^2 thuộc thửa đất số 270 tờ bản đồ 11 thôn Cao Bạt Trung , xã NC đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 706560 ngày 05/5/2011 đứng tên người sử dụng đất Nguyễn Hữu Đức và Đoàn Thị Thuận có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Hữu Vọng và cụ Nguyễn Xuân Thị Vần thể hiện tại bản đồ 299 đo đạc năm 1982 là thửa đất số 881 diện tích 236 m^2 đứng tên Hữu Vọng. Đến năm 1993 thì ông T đứng tên sử dụng thửa đất 881 của cụ Vọng, theo bản đồ địa chính năm 1993 là thửa số 1836 diện tích 260 m^2. Như vậy, ông T đã sử dụng ổn định diện tích đất này từ trước ngày 15/10/1993, có tên trên bản đồ 04 đo đạc năm 1993. Nhưng UBND xã NC lại làm thủ tục đề nghị để UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H904954 ngày 14/01/1997 cho cụ Vọng đối với cả thửa đất ông T đã đứng tên trên bản đồ 04 đo đạc năm 1993 là không đúng quy định tại Điều 2 Luật đất đai năm 1993 và Quyết định số 241 ngày 09/6/1995 của UBND tỉnh Thái Bình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2004, UBND xã NC căn cứ vào đơn đề nghị đề tên Nguyễn Hữu Vọng có nội dung phân chia đất cho các con có bút phê ngày 28/4/2004 của Chủ tịch UBND xã NC để làm thủ tục đề nghị UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 706560 ngày 05/5/2011 cho ông Đ và bà Nhuận sử dụng diện tích đất 262,8 m^2 tại thửa đất số 270 tờ bản đồ 11 thôn CBT xã NC. Ông T xác định cụ Vọng không ký đơn đề ngày 28/4/2004, quá trình giải quyết vụ án, ông T đề nghị giám định chữ viết trong đơn đề nghị ngày 28/4/2004 và cung cấp các tài liệu giám định là quyển vở của con trai ông Đ tên là Nguyễn Hữu Hậu. Tại kết luận giám định số 56/KLGĐ-PC09 ngày 10/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận : "Chữ viết trong đơn đề nghị ngày 28/4/2004 so với chữ viết trên các tài liệu mẫu là bài kiểm tra môn Vật lý và quyển vở học sinh ghi tên Hữu Hậu do cùng một người viết ra". Như vậy, UBND xã NC đã căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H904954 ngày 14/01/1997 cấp cho cụ Vọng không đúng quy định của Luật đất đai năm 1993 và Đơn đề nghị đề tên Nguyễn Hữu Vọng nhưng không phải của cụ Vọng viết để làm thủ tục đề nghị UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 706560 ngày 05/5/2011 cho ông Đ và bà Nhuận là không đúng với quy định tại Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003. Như vậy, diện tích đất 262,8 m^2 thuộc thửa đất số 270 tờ bản đồ 11 thôn Cao Bạt Trung, xã NC có nguồn gốc là của cụ Vọng cho ông T, việc ông Đ cho rằng được cụ Vọng cho diện tích đất nêu trên là không có căn cứ.

[6] Xét thấy, các chứng cứ là các Giấy ghi nhận đề tên cụ Vọng đề ngày 09/01/2013, 12/01/2013, 21/01/2013 do ông T giao nộp cho Tòa án trong gia đoạn phúc thẩm là các chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu ông T cung cấp, nên ông T có quyền bổ sung tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả giám định các giấy ghi nhận do ông T cung cấp theo Kết

luận giám định số 09/KLGĐ-PC09 ngày 06/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Dấu vân tay dưới mục "Ngón trỏ trái của ông Vọng" và "Ngón trỏ phải của ông Vọng" trên Giấy ghi nhận đề ngày 09/01/2013; dấu vân tay dưới mục "Ngón trỏ phải của ông Vọng" trên Giấy ghi nhận đề ngày 09/01/2013 và ngày 21/01/2013 với dấu vân tay in ở ô "Trỏ phải" và "Trỏ trái" trên Chỉ bản số 151921373 lập ngày 19.6.07 tại Kiến Xương , mang tên Nguyễn Hữu Vọng, sinh năm 1920, nơi ĐKNKTT: NC - Kiến Xương (bản gốc) do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Thái Bình cung cấp là vân tay của cùng một người…". Mặt khác, ông T còn cung cấp Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị Xoay đề ngày 25/4/2019 khẳng định cụ Vọng khi viết các Giấy ghi nhận do ông T cung cấp vẫn minh mẫn tỉnh táo; Trưởng thôn CBT, xã NC là ông Nguyễn Hữu Doanh xác nhận vào thời điểm 2015 cụ Nguyễn Hữu Vọng vẫn minh mẫn, có tham gia bầu cử trưởng phó thôn nhiệm kỳ 2015 - 2017. Như vậy, tuy ông T chỉ cung cấp được bản pho to "Biên bản chia và chuyển đổi đất" ngày 20/3/1996 âm lịch có nội dung cụ Vọng đã cho ông T diện tích đất 260 m^2 thuộc thửa đất 1836 thôn CBT xã NC, chuyển cho ông Đ quản lý sử dụng, ông T được quyền quản lý sử dụng ¼ diện tích đất của ông Đ được thừa kế từ bên ngoại. Nhưng nội dung chuyển đổi đất nêu trên phù hợp với lời khai của những người làm chứng là chị em trong gia đình ông T và ông Đ là bà Xoay, bà The, UBND xã NC cũng xác nhận có việc chuyển đổi nhà đất giữa ông T và ông Đ, ông Đ đã nhận nhà đất của vợ chồng ông T, còn vợ chồng ông T đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1996 và quán bán hàng phía trước từ năm 2012, vợ chồng ông Đ không có ý kiến gì. Ông Đ trình bày cho ông T mượn đất để làm nhà ở nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc cho mượn đất. Căn cứ vào nội dung các Giấy ghi nhận đề ngày 09/01/2013 và ngày 21/01/2013, thì cụ Vọng xác nhận đã làm thủ tục tách cho ông T diện tích đất 262,8 m^2 thuộc thôn CBT từ năm 1993, đến ngày 20/3/1996 âm lịch thì ông T đổi diện tích đất nêu trên cho ông Đ để lấy diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, nội dung xác nhận của cụ Vọng trong các Giấy ghi nhận ngày 09/01/2013 và ngày 21/01/2013 cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn, những người làm chứng và xác nhận của UBND xã NC.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy: UBND xã NC là cấp chính quyền cơ sở thực hiện quản lý đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai và xác nhận đơn đề nghị của công dân là thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật đất đai và Luật tổ chức chính quyền địa Ph; UBND huyện Kiến Xương thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 706560 ngày 05/5/2011 cho ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đoản Thị Th là không đúng với quy định tại Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003, nhưng ông T đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận này vì đã đổi đất cho ông Đ, nên cũng không cần phải hủy Giấy chứng nhận này; còn việc cấp Giấy chứng nhận số H 904812 ngày 14/01/1997 cho ông Nguyễn Hữu Đ là theo Quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 22 ngày 14/5/1994 của Tòa

án nhân dân tỉnh Thái Bình, khi Tòa án có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn thì sẽ kiến nghị UBND huyện Kiến Xương điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ; còn ông Nguyễn Hữu Thành không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến việc đổi đất của ông T và ông Đ. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết ngày 28/10/1996 của Quốc hội khóa IX về việc thi hành Bộ luật dân sự năm 1995 quy định đối với các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự có hiệu lực hiện vẫn đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm đính chính bản án về việc bác yêu cầu phản tố của bị đơn thì thấy tại đoạn [6] phần nhận định của Tòa án trong bản án sơ thẩm đã nhận định không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, mặt khác việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại trừ yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đính chính bản án về việc bác yêu cầu phản tố của bị đơn không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng có dấu hiệu của việc cụ Vọng điểm chỉ vào các giấy ghi nhận là không tự nguyện, nên các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không có giá trị chứng minh nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Các chứng cứ do ông T cung cấp trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố T bộ nội dung tại phiên tòa phúc thẩm, anh Ph đã được ông Đ ủy quyền tham gia tố tụng và có T quyền quyết định mọi vấn đề về việc giải quyết vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa của anh Ph.

[8] Xét thấy, tuy người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đến nay diện tích đất 262,8 m^2 tại thửa đất số 270 thuộc thôn Cao Bạt Trung và diện tích đất 261 m^2 tại thửa đất số 1086 thuộc thôn Cao Bạt Đông, xã NC vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Nhưng căn cứ vào những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất ông T đang quản lý sử dụng tại thôn CBĐ xã NC là do chuyển đổi diện tích đất 262,8 m^2 ở thôn CBT cho ông Đ vào ngày 20/3/1996 âm lịch là có căn cứ. Việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện trên thực tế bàn giao đất cho nhau tuy chưa làm thủ tục và đăng ký tại UBND cấp có thẩm quyền, nhưng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo Đ xã hội. Diện tích đất ông T sử dụng hiện nay là 79,6 m^2 có mốc giới cố định với các diện tích đất liền kề, khi chuyển đổi cũng chỉ thỏa Th ông T được sử dụng ¼ diện tích đất ông Đ được thừa kế bên ngoại, không có diện tích cụ thể. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định ông T có quyền sử dụng diện tích đất 79,6 m^2 theo hiện trạng sử dụng hiện nay là phù hợp. Việc Tòa án bác yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã ban

hành bản án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, trong khi đó bị đơn vẫn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kiến nghị UBND huyện Kiến Xương điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xác định thiếu tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Toàn và bà M. Do đó, cần phải sửa án sơ thẩm về các vấn đề nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí giám định : Xét thấy, ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, nên Tòa án không đặt ra giải quyết về nghĩa vụ chịu chi phí giám định.

[10] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ là người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 3, Điều 74 Luật đất đai năm 1993; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Hữu Đức và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Thành Ph.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình:

- Xử chấp nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Đ. Ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng diện tích đất 79,6m^2 thuộc thửa số 1086 tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 904812 ngày 14/01/1997 đứng tên ông Nguyễn Hữu Đ) với các chiều đo cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường 457 dài 2,8 m; phía Nam giáp đất anh Nam dài 3,55 m; phía Đông giáp đất ông Đ dài 23 m; phía Tây giáp đất ông Viễn, ông Sính dài 23 m.

Ngôi nhà mái bằng 37 m^2 và nhà lợp Prôximăng + nhà vệ sinh diện tích 48.5 m^2 trên diện tích đất 79,6 m^2 thuộc thửa số 1086 tại thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hữu T và bà Lương Thị M.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền làm các thủ tục tách diện tích đất trên theo quy định của Luật đất đai.

- Xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu Đ về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Lương Thị M tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trả lại đất cho ông Nguyễn Hữu Đ.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 904812, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 772/QSDĐ ngày 14/01/1997 về diện tích đất ông Nguyễn Hữu Đ được sử dụng tại thửa đất số 1086 thuộc thôn CBĐ, xã NC, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu Toàn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm , trả lại ông Nguyễn Hữu Toàn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000909 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiến Xương , tỉnh Thái Bình.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu Đ . Ông Nguyễn Hữu Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/5/2019./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Kiến Xương;
- UBND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà